

NGŨ DỤNG HỌC VỚI VIỆC DẠY ĐỌC HIỂU MỘT VĂN BẢN* BẰNG TIẾNG NƯỚC NGOÀI

PHẠM THI HÒA, M.A.

Đại học Ngoại ngữ - ĐHQG Hà Nội

1. Thế nào là đọc hiểu một văn bản bằng tiếng nước ngoài?

Lâu nay, khi dạy học một văn bản bằng tiếng nước ngoài, nhiều giáo viên cho rằng nhiệm vụ của họ là làm cho học sinh hiểu được văn bản đó chủ yếu thông qua việc phân tích, giảng giải các yếu tố ngôn ngữ mà người tạo văn bản dùng để biểu đạt những ý tưởng của họ. Công việc mà phần lớn các giáo viên làm là giảng từ mới, cấu trúc, các cách diễn đạt, sau đó đưa ra các câu hỏi hoặc bài tập kiểm tra mức độ đọc hiểu của học sinh đối với văn bản đó. "*Đọc hiểu*" văn bản ở đây được coi là quá trình giải mã ngôn ngữ, tức là chỉ dừng lại ở cấp độ tìm kiếm ý niệm trong *cú pháp* (syntax) và *ngữ nghĩa* (symanctics). Công việc chủ yếu là "nghiên cứu các mối quan hệ giữa các hình thức ngôn ngữ với các thực thể của thế giới khách quan để xem các từ gắn với các sự vật hiện tượng ra sao (ngữ nghĩa)" - Yule, 1997, trang 4. Cả hai cấp độ này đều bỏ qua một yếu tố quan trọng là *người sử dụng ngôn ngữ*.

Tuy nhiên, ý niệm không chỉ là hình thức thuộc cú pháp và ngữ nghĩa. Ý niệm ngữ dụng học là cái gì đó xuất phát từ ngữ cảnh chứ không phải từ cú pháp và ngữ nghĩa (Hatch 1992, trang 262). Để thực sự đọc hiểu được một văn bản, cần thiết phải hiểu được ý niệm mà người tạo ra văn bản muốn biểu đạt trong một ngữ cảnh đặc thù và ngữ cảnh đó ảnh hưởng như thế nào đến những gì được đề cập đến. Điều đó có nghĩa là không chỉ vỏ ngôn ngữ mà cả tình huống trong đó ngôn ngữ được sử dụng cũng cần phải được tính đến. Tình huống ở đây bao gồm người tạo ra văn bản và người lĩnh hội văn bản, mối quan hệ giữa họ, hoàn cảnh, thời gian ... Hiểu được những mối quan hệ giữa hình thức ngôn ngữ và người sử dụng các hình thức ngôn ngữ đó giúp chúng ta hiểu được các ý niệm đã định (intended meaning), các tác giả định, mục đích và các loại hành động được thực hiện của người sử dụng ngôn ngữ. Ví dụ: "I lost my purse" - (Tôi mất ví rồi) - được nói với một người bạn có thể mang ý niệm ngữ dụng học là một chỉ thị, một lời yêu cầu được vay tiền của người bạn đó. (Hatch, 1992, trang 260). Cùng một lời nói: "I'll see you later" - (Tôi sẽ gặp anh sau) - được dùng trong các ngữ cảnh khác nhau có thể mang các hiệu lực tại lời (illocutionary forces) khác nhau; đó có thể là một lời hứa, một lời đe dọa, một dự tính ... (Yule, 1997, trang 49). Rõ ràng là,

* Khái niệm *văn bản* ở đây được dùng để chỉ tất cả các đoạn văn, bài viết, đoạn hội thoại hay lời nói được thể hiện dưới dạng chữ viết mà ta có thể đọc được.

một phần ý nghĩa của từ / câu của văn bản nằm trong tình huống mà nó được sử dụng (xem Halliday, 1985).

Một yếu tố nữa cũng không kém phần quan trọng trong việc giúp hiểu sâu và hiểu thực sự một văn bản là phải xem xét và tìm hiểu cách thức người tạo văn bản dùng để tổ chức những gì cần biểu đạt cho phù hợp với đối tượng giao tiếp, tác động của đối tượng giao tiếp đối với hình thức ngôn ngữ mà người tạo văn bản sử dụng. Ví dụ : Nghiên cứu ngôn ngữ được dùng trong một bức thư viết cho người lạ hoặc một đơn từ, ta sẽ thấy một loại văn phong trang trọng, hình thức và khuôn sáo so với văn phong của một bức thư được viết để gửi cho gia đình hoặc một người bạn thân.

Việc có đọc hiểu một văn bản thực sự hay không còn được quyết định một phần bởi ý niệm về văn bản có sẵn trong đầu người đọc. Theo những người mang quan điểm nhận thức thì một văn bản không chứa đựng một ý niệm cố định mà ngược lại. Quá trình giao tiếp của ý niệm là một quá trình tương hỗ ba chiều giữa ý niệm trong đầu của người viết, ngôn ngữ được dùng nhằm biểu đạt ý niệm của văn bản và ý niệm trong đầu người đọc. Tất nhiên thông thường mà nói thì các ý niệm này có liên quan với nhau và người viết cũng như người đọc đều cố gắng để ý niệm của họ càng gần sát nhau càng tốt. Tuy nhiên, mỗi người đọc sẽ nhìn nhận văn bản cụ thể và hiểu nó một cách khác nhau vì họ dựa trên các cách sắp đặt một cách có tổ chức các thông tin nền (schema) khác nhau (xem P.T. Hòa, 1996, trang 17-19). Hoạt động đọc do vậy, bao gồm hai quá trình quan trọng : quá trình phản hồi thông tin từ cuốn sách lên óc người đọc, tức là ngôn ngữ từ văn bản và quá trình dội từ trên xuống, tức những gì đi từ óc người đọc xuống văn bản. Chúng có thể gồm kiến thức về chủ đề văn bản, cách thức, kỹ năng đọc, kinh nghiệm đối với một thể loại văn bản cụ thể. Ví dụ : việc thiếu kiến thức nền về văn hóa, đất nước học của người đọc có thể làm cho họ hiểu sai và không thấu đáo một thông tin mặc dù họ biết rõ từng từ và cấu trúc trong văn bản. Thể loại văn bản xa lạ, nội dung khó hoặc thiếu kỹ thuật đọc thích hợp cũng gây cản trở lớn đến quá trình đọc hiểu văn bản. Vì vậy, để hiểu một văn bản đầy đủ, người đọc còn cần phải thông hiểu mọi yếu tố thuộc văn hóa, đất nước học hiện diện trong văn bản cũng như phải có kiến thức về thể loại văn bản và tìm được cách thức đọc văn bản có hiệu quả.

2. Nên dạy học hiểu một văn bản như thế nào?

Vai trò của người dạy giờ đây rõ ràng không chỉ dừng lại ở cấp độ cú pháp ngữ nghĩa mà phải đi xa hơn nữa, giúp người đọc hiểu sâu, hiểu nhiều hơn những gì hình thức ngôn ngữ có thể biểu đạt. Các gợi ý sau đây có thể phần nào giúp giáo viên thực hiện được mục đích đó.

a/- Cần giúp người học sẵn sàng với văn bản mà họ đọc và khai thác kiến thức thông

tin nền mà họ có về văn bản nhằm giảm đến mức tối thiểu những khó khăn mà họ có thể bắt gặp và làm tăng khả năng hiểu văn bản càng nhiều càng tốt.

Giáo viên có thể đạt được mục đích này bằng nhiều cách, trong đó việc điều khiển văn bản và người đọc là hai cách thức cơ bản. Giáo viên có thể khống chế từ vựng cấu trúc và nội dung văn bản sao cho phù hợp với trình độ và khả năng tiếp thu của người học. Bên cạnh đó, cần cung cấp cho người học kiến thức thông tin nền và xem xét trước nội dung là một bước quan trọng của hoạt động dạy đọc. Nó có thể bao gồm việc giảng giải một khái niệm cơ bản thuộc văn hóa, đất nước học mà bài đọc đề cập tới, đưa ra các gợi ý, các câu hỏi dẫn dắt vấn đề giúp người học khai thác và sử dụng những kiến thức liên quan đến văn bản mà họ có. Xem xét trước nội dung cũng có thể là giới thiệu một số cấu trúc hoặc từ vựng đặc biệt mà người dạy tiên đoán là có thể sẽ gây khó khăn cho người học. Ngoài ra, giáo viên cần cung cấp cho người học các phương pháp và kỹ năng đọc (ví dụ như cách đọc lấy ý chính tổng thể, cách đọc lấy nội dung chi tiết, cách đọc suy diễn tìm thêm nội dung ...) nhằm giúp cho quá trình đọc của người học trở nên dễ dàng và đạt hiệu quả cao hơn.

b/- Cũng nên lưu ý rằng mọi khái niệm tưởng chừng như đơn giản nhất cũng có thể xa lạ đối với người học ngoại ngữ và gây cản trở đến khả năng đọc hiểu của họ. Khó có thể tìm được sự tương đồng tuyệt đối giữa các khái niệm của hai thứ tiếng được dùng để cùng chỉ một thực thể. Ngay khái niệm đơn giản nhất về *ngôi nhà*, *chè* trong tiếng Việt và *a house*, *tea* trong tiếng Anh cũng không giống nhau do ý niệm về các thực thể này trong tâm trí của người Anh và người Việt không giống nhau (khái niệm về tiện nghi, cách bố trí của ngôi nhà), khái niệm *chè đen* (trong tiếng Anh) và *chè xanh* (trong tiếng Việt) ..., chưa kể đến các khái niệm hầu như không tồn tại ở Việt Nam và vô vàn các khái niệm, các lối diễn đạt mà có lẽ chúng chỉ là những gì mờ hồ gắn với âm thanh lạ mà người học không thể hiểu chúng một cách tường tận.

Có lẽ cách tốt nhất có thể giúp cho người học hiểu một cách đầy đủ là có cơ hội tiếp xúc thực sự. Song điều đó khó có thể thực hiện được ở hoàn cảnh như nước ta. Vì vậy, giải pháp hữu hiệu và tiện lợi cho vấn đề này có lẽ là tranh ảnh, phim, băng hình, và sự giới thiệu, mô tả cụ thể của người dạy ngay từ đầu,

c/- Nên cho người học thảo luận, nghiên cứu kỹ về văn bản, khai thác tư duy sâu của họ về văn bản. Ví dụ : Ta có văn bản sau đây :

"It's not fair. Andrew's got one. Why can't we have one? Please. I'll look after it. I promise. You won't have to do a thing! I can take it out when I get home. Go on! It won't be expensive - not if we get a small one - they don't eat a lot. Oh please, can we?" (Thật không công bằng. Andrew có một con rồi. Nhà mình cũng có một con đi,

mẹ! Con sẽ chăm sóc nó. Con xin hứa. Mẹ sẽ chẳng phải làm gì đâu. Con có thể cho nó đi ra ngoài khi con đi học về. Mua đi mẹ. Chắc không đắt đâu - Nếu như nhà mình mua một con nhỏ thôi - chúng không ăn nhiều đâu. Mình nuôi một con đi, mẹ nhé.)

Với văn bản trên, ngoài việc phân tích để hiểu về ngữ nghĩa, cấu trúc nằm trong ngữ cảnh của văn bản, người học cần phải được giúp đỡ để tự làm sáng tỏ các câu hỏi như : văn bản nói về cái gì, thuộc văn nói hay văn viết, có thể được trích dẫn ra từ nguồn nào, ai là người nói hoặc viết văn bản này, ai là người nghe hoặc đọc văn bản ... (Haines, S. & Stewart, B. 1994, trang 160 - 161).

Phân tích văn bản trên, người học có thể có câu trả lời như : Đây là một đoạn văn nói (dùng nhiều dạng viết tắt, câu ngắn, từ vựng đặc thù của văn nói, văn phong không trang trọng), được nói bởi một bé gái hoặc bé trai, khăn nài mẹ nuôi một con mèo (không có từ *mother/mum*, *cat* ở trong bài nhưng có thể đoán được qua văn cảnh nhờ các từ *it*, *one*, các cụm từ *a small one*, *don't eat a lot*, *look after*, *please*, *I promise*).

d/- Phát triển khả năng nhận thức sâu về ngôn ngữ của văn bản là một việc làm cần thiết. Nó "giúp người đọc hiểu rõ ràng và đầy đủ những gì họ biết còn chưa rõ ràng về một ngôn ngữ, nó khuyến khích sự nhìn nhận thấu suốt vào cách hoạt động của một ngôn ngữ và nâng cao nhận thức về các hệ thống của ngôn ngữ ... phát triển nhận thức sâu về các nguyên tắc phổ biến của việc sử dụng ngôn ngữ " (Tomlinson, 1998).

Một trong những điều giáo viên cần phải làm để giúp người học nhận thức sâu về ngôn ngữ là làm cho họ tập trung tìm hiểu các phương pháp ngữ dụng học mà người tạo văn bản đã sử dụng để đạt được hiệu lực tại lời (*illocutionary force*), làm cho người học chú ý hơn nữa đến các đặc điểm ngữ dụng học trong các văn bản mà họ sẽ đọc sau này, đồng thời giúp họ phát triển các kỹ năng như : biết cách liên hệ khái quát hóa, đưa ra giả thiết và đánh giá.

Sự phát triển khả năng nhận thức sâu về ngôn ngữ của người học sẽ không thể đạt được nếu như việc phân tích các yếu tố ngôn ngữ của văn bản bị tách rời khỏi ngữ cảnh của văn bản. Nói một cách khác, chỉ có thể hiểu một cách trọn vẹn nghĩa của một từ hay câu khi hiểu được ngữ cảnh mà chúng được sử dụng. Yule (1997, trang 92) đưa ra thí dụ về sự thay đổi của khái niệm của từ *ball* (quả bóng) trong tiếng Anh như sau :

"He kicked *the ball* into the net". (Anh ta đá quả bóng vào lưới). Khái niệm *quả bóng* ở đây chỉ quả bóng đá.

"She dribbled *the ball* down the court and shot a basket". (Cô ấy rê bóng trên sân và ném vào trong rổ). Khái niệm *quả bóng* ở đây chỉ quả bóng rổ.

"She putted *the ball* in from two feet away" (Cô ấy đánh nhẹ quả bóng vào hố tư khoảng cách xa hai feet). Khái niệm *quả bóng* ở đây là bóng chơi gôn.

Trên thực tế, đây là ba loại bóng hoàn toàn khác nhau và như vậy trong ba ngữ

cảnh, ba khái niệm khác nhau về cùng một từ đã được hình thành.

Một ví dụ khác là : Nếu không chú ý, người học sẽ không thể cho rằng "*It's stuffy in here.*" (ở đây ngột ngạt quá) được nói bởi một người ở vị trí cao hơn với cấp dưới của mình lại có hiệu lực của một mệnh lệnh có thể bao hàm ý là "*Hãy mở cửa sổ để làm thông thoáng phòng!*".

e. Một việc khác mà giáo viên cũng cần phải làm là, giúp cho người học nhận thức được các hình thức *tiền giả định* (preassumption) thường gắn liền với một số lớn các từ, cụm từ và cấu trúc dùng trong các văn bản.

Ví dụ :

- *Survive* (sống qua được, sống sót) thường gợi ý một ý niệm là "suýt nữa bị gặp nạn, hoặc bị giết chết hay là hủy diệt bởi một cái gì đó, trước đó".
- *Claim* (nói rõ hoặc tuyên bố (cái gì) là sự thật mà không thể chứng minh được).
- *When did he leave?* (anh ấy đi bao giờ) bao hàm ý "anh ấy đã đi".
- *She imagined that she was Liz Taylor.* (Cô ấy tưởng tượng mình là Liz Taylor) bao hàm ý cô ấy không phải là Liz Taylor.
- Việc sử dụng các cụm từ, cấu trúc như *I'm not sure, I doubt, I guess, Perhaps ...* gợi ý một sự không chắc chắn, thăm dò, không quả quyết, không cam kết của người phát ngôn văn bản.

Trên đây là một vài suy nghĩ ban đầu về việc áp dụng ngữ dụng học trong việc dạy đọc hiểu các văn bản bằng tiếng nước ngoài. Đọc hiểu một văn bản không chỉ dừng lại ở cấp độ cú pháp và ngữ nghĩa bởi nó chưa đủ và chưa thể là đọc và hiểu thực sự, chưa nắm bắt được cái "hồn" - ý niệm thực sự - mà người tạo văn bản muốn biểu đạt qua việc sử dụng các hình thức ngôn ngữ. Giúp người học đọc và hiểu sâu, ý thức sâu về ngôn ngữ dùng trong văn bản, làm cho họ sẵn sàng với văn bản cũng như có được phương pháp đọc hiệu quả là một công việc không dễ dàng nhưng cần thiết phải thực hiện được của giáo viên ngoại ngữ.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Green, G.M., 1989. *Pragmatics and Natural language Understanding*. Hillsdal, New Jersey. Laurence Erlbaum.
2. Halliday, M.A.K., 1973. *Explorations in the Functions of language*. London : Edwards Arnold.
3. Halliday, M.A.K., 1985. *An Introduction to Functional Grammar*. London : Holder & Stoughton.
4. Haines, S. Stewart, B., 1994. *First Certificate Master Class*. Oxford : Oxford University Press.

5. Hòa, P.T., 1996. *Thuyết Schema với vấn đề dạy đọc cho sinh viên ngoại ngữ*. Nội san Ngoại ngữ, số 2, 1996.
6. Hatch, E., 1992. *Discourse and Language Education*, Cambridge : Cambridge University Press.
7. Tomlinson, B., 1998. *Language Awareness* - Paper given at Material Writing Workshop.
8. VNU-CFL, Hà Nội.
9. Yule. G., 1997. *Pragmatics*. Oxford University Press.